**Học vần**

**Bài 40: âm, âp**

(Trang 72)

**I. Mục tiêu**

***1. Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng:***

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **âm, âp;** làm đúng BT nối ghép từ. Hiếu nội dung bài Tập đọc *Bẻ Lê.* Hiểu được quy trình viết, nắm được độ cao, khoảng cách giữa các con chữ.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm và đọc đúng tiếng có vần **âm, âp.** Biết viết trên bảng con các các vần **âm, âp, tiếng củ sâm, cá mâp.** Rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe

***2. Yêu cầu cần đạt về năng lực – phẩm chất:***

- Có khả năng cộng tác, chia sẻ với bạn. Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế. HS phát triển về năng lực ngôn ngữ thông qua việc học sinh đọc, trả lời câu hỏi, nghe hiểu và trình bày rõ ràng ý kiến. HS phát triển năng lực văn học thông qua bài đọc học sinh nhận biết được nhân vật, biết được tính cách nhân vật và rút ra bài học cho bản thân.

- Có hứng thú học tập, ham thích lao động; Có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân.

**II. Đồ dùng**

- GV: Máy tính: Tranh minh họa từ khóa, chữ mẫu.

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn.

**III. Hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 1**  **1. Khởi động**  a/ Ổn định.  b/ Kiểm tra bài cũ. Y/c hs đọc lại bài đọc ở bài trước. Gv nhận xét, đánh giá.  - Giới thiệu bài:vần **âm,** vần **âp.** Ghi bảng | - Hát  - Hs trả bài cũ  -Lắng nghe. |
| **2. Chia sẻ và khám phá** |  |
| a/ Dạy vần **âm:**  - GV giới thiệu hình ảnh: Hình vẽ gì?  - Trong từ củ sâm, tiếng nào có vần **âm?**  - Y/c hs phân tích vần **âm.**  - GV đánh vần, đọc trơn mẫu **â - mờ - âm / âm.**  - Yc hs đọc, nhận xét, sửa lỗi  - GV chỉ hình củ sâm**.** Giải nghĩa: Sâm là loại cây có củ rễ dùng làm thuốc bổ.  - Y/c hs phân tích **sâm.**  - GV đọc mẫu sờ - âm - sâm / củ sâm.  - Yc hs đọc, nhận xét, sửa lỗi  b/ Dạy vần **âp:**  - GV giới thiệu hình ảnh: Đây là con gì?  - Trong từ cá mập*,* tiếng nào có vần **âp?**  - Y/c So sánh vần âm - âp:  - Y/c hs phân tích vần âp  - GV đánh vần, đọc trơn mẫu **â - pờ - âp / âp.**  - Yc hs đọc, nhận xét, sửa lỗi  - GV chỉ hình cá mập**:** Quan sát tranh, nêu từ ngữ: *cá mập* (loài cá lớn, rất dữ, sống ở biển, đại dương). / Phân tích tiếng **mập.** Đánh vần: mờ - âp - mâp - nặng - mập / mập.  - Y/c hs phân tích tiếng **mập**  - GV đọc mẫu mờ - âp - mâp - nặng - mập / cá mập.  - Yc hs đọc, nhận xét, sửa lỗi  - Y/c cả lớp đọc lại vần, tiếng, từ vừa học.  Yêu cầu HS lấy bảng cài vần âm, ấp, tiếng sâm, mập. Thay dấu thanh lấy tiếng mới…  **3. Luyện tập**  **a/ Mở rộng vốn từ** | - HS nói: củ sâm  - sâm  - Vần âm: â đứng trước, m đứng sau.  **-** Lắng nghe  - Thực hiện ( cá nhân, tổ, lớp)  **-** Lắng nghe  - tiếng **sâm** có âm **s** đứng trước, vần **âm** đứng sau.  - cá mập.  **-** Tiếng **mập**.  - Vần **âm** giống vần **âp:** đều bắt đầu bằng âm **â. vần âm** khác vần **âp:** vần **âm** có âm cuối là **m,** vần **âp** có âm cuối là **p.**  - Vần âp có âm âđứng trước, âm **p** đứng sau.  - Thực hiện ( cá nhân, tổ, lớp)  **-** Lắng nghe  **-** Tiếng mập: âm **m** đứng trước, vần **âp** đứng sau, dấu nặng dưới â.  - Thực hiện (cá nhân, tổ, lớp)  - Thực hiện  HS lấy bảng cài theo yêu cầu của gv…đọc tiếng mới |
| BT 2: Tiếng nào có vần **âm**? Tiếng nào có vần **âp**?  - Y/c HS tìm các tiếng có vần âm, ấp và đọc  - GV giải nghĩa: *sâm cầm* (loại chim sống dưới nước, chân đen, mỏ trắng, sống ở phương Bắc, trá đông ở phương Nam, thịt thơm ngon).  -HS làm bài trong VBT; báo cáo kết quả.  -GV chỉ từng từ: - Cả lớp: Tiếng **nấm** có vần **âm...** Tiếng **tập** (múa) có vần **âp...**  - Tìm tiếng ngoài bài có vần âm, ấp  **b/Ghép đúng**  - GV nêu YC, chỉ từng từ cho cả lớp đọc. / HS làm bài vào VBT.  -1 HS nói kết quả: *đầm - cá, đập - lúa, tấp - nập.* / Cả lớp nói lại.  **c/Tập viết** (bảng con - BT 5)  - GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu:  + Vần **âm:** cao 2 li; viết **â** trước, **m** sau.  + Vần **âp:** viết **â** trước, **p** sau **(p** cao 4 li).  + (củ) **sâm:** viết **s** trước, vần **âm** sau.  + (cá) **mập:** viết **m** trước, vần **âp** sau, đấu nặng đặt dưới **â.**  -Y/c HS viết: **âm, âp** (2 lần); (củ) **sâm,** (cá) **mập**  **-** GV cùng HS nhận xét  **Tiết 2**  **d/Tập đọc** (BT 4)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: Bé Lê rất thích xem ti vi. Bé nói gì khi xem ti vi, các em hãy cùng nghe. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **sâm cầm, chỉ, cá mập, vỗ về, ấm.** 4. Luyện đọc câu, đoạn, bài   - GV: Bài có 10 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vờ. Có thể chỉ liền 2 câu: *Bé chỉ: “Cò... cò...” / Bé la: “Sợ!”.*  - Đọc tiếp nối từng câu, đọc liền 2 câu ngắn (cá nhân / từng cặp).  - HS tìm, đọc tiếng trong bài có vần **âm:** *sâm cầm, ấm;* vần **âp:** (cá) *mập.*   1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (7 câu / 3 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc  - GV chỉ từng ý a, b, c cho cả lớp đọc.  - HS làm bài trong VBT hoặc viết các kí hiệu đúng (Đ) / sai (S) trên thẻ.  - HS đọc  **4. Củng cố, dặn dò**  - Cả lớp đọc lại toàn bài  **-** GV NX tiết học, tuyên dương.  - Dặn HS về nhà đọc lại cho người thân nghe bài đã học | - Hs đọc  -HS làm BT  -Cả lớp nói  Nấm, bấp bênh…  -Thực hiện  -1 HS đọc, nói cách viết vần **âm, âp;** chiều cao các con chữ.  - Lắng nghe.  - Hs viết bài vào bảng con, nhận xét, chữa bài  -HS lắng nghe  - Hs luyện đọc từ ngữ(cá nhân)  - Thực hiện  -HS thi đọc  -HS đọc  -HS làm vào vở BT  -Đồng thanh:Ý a *(Bé Lê chả mê tỉ vi) -* sai. / *Ý* b *(Bé Lê sợ cá mập)* - đúng. / Ý c *(Có má, bé Lê chả sợ nữa) -* đúng.  - Thực hiện  -HS lắng nghe |